

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Trí;
2. Bà Trần Thị Kim Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Thị Hoài Phương – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 295/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1979; địa chỉ: Số A, đường B, Khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1975; địa chỉ: Số X, đường Y, Khu phố Z, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh P trình bày:

Bà Nguyễn Thị Minh P và ông Nguyễn Hữu T kết hôn năm 2000 có đăng ký kết hôn tại UBND phường TH, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Bà P và ông T sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi nhau, vợ chồng không có tình cảm, ông T không trung thực trong vấn đề tiền bạc, thường hay nhảm tin với người phụ nữ khác. Vợ chồng sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Đến năm 2018 do mâu thuẫn quá trầm trọng, không thể chịu đựng được nên vợ chồng đã sống ly thân. Bà P và ông T đã ly thân hơn 02

năm nhưng không hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Bà P và ông T có hai con chung là cháu Nguyen Trong T1, sinh ngày 04/9/2001 và Nguyen Ngoc Thanh T2, sinh ngày 23/11/2011. Hiện nay cháu T2 đang sống cùng với bà P, cháu T1 sống cùng với ông T. Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu T1 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyen Huu T: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyen Huu T không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyen Thi Minh P.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Nguyen Thi Minh P có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn ông Nguyen Huu T đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy Tệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông T cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa sơ thẩm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, bị đơn ông Nguyen Huu T không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng. Do nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được Tệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định tại Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật:* Ngày 16/6/2020, bà Nguyen Thi Minh P có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Nguyen Huu T nên đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quy định tại Điều 51, Điều 53, Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. *Về thẩm quyền:* Bị đơn ông Nguyen Huu T sinh sống và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì

vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[1.3] *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy Tụ tập tham gia phiên tòa lần thứ hai cho ông Nguyen Huu T nhưng ông T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Nguyên đơn bà Nguyen Thi Minh P có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyen Thi Minh P và ông Nguyen Huu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2000 tại UBND phường TH, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01 ngày 14 tháng 02 năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986.

Bà P trình bày, sau khi kết hôn bà và ông T sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tình cảm, mặc dù sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 nhưng không hàn gắn được. Bà P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông T. Xét thấy, qua xác minh tại địa phương nơi bà P và ông T sinh sống thể hiện “Quá trình sinh sống tại địa phương bà P và ông T chưa lần nào nhờ chính quyền địa phương tổ chức hòa giải, không gây mất trật tự công cộng nên địa phương không biết giữa bà P và ông T có mâu thuẫn gì. Hiện nay bà P và ông T không còn sống chung với nhau”. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T nhiều lần để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng ông T không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà P, điều này chứng tỏ ông T không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà P và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyen Thi Minh P về việc ly hôn với ông Nguyen Huu T.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyen Thi Minh P và ông Nguyen Huu T có 02 con chung là cháu Nguyen Trong T1, sinh ngày 04/9/2001 và Nguyen Ngoc Thanh T2, sinh ngày 23/11/2011. Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu T2. Xét thấy cháu T2 là con gái, hiện nay đang sống cùng với bà P và cháu có nguyện vọng sống cùng với mẹ nên việc giao cháu T2 cho bà P nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với cháu Nguyen Trong T1, sinh ngày 04/9/2001, đã đủ 18 tuổi và bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyen Thi Minh P không yêu cầu ông Nguyen Huu T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyen Thi Minh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét thấy, quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Nguyen Thi Minh P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng); ông Nguyen Huu T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyen Thi Minh P đối với ông Nguyen Huu T về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyen Thi Minh P được ly hôn với ông Nguyen Huu T.

- Về con chung: Bà Nguyen Thi Minh P được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyen Ngoc Thanh T2, sinh ngày 23/11/2011.

Đối với cháu Nguyen Trong T1 sinh ngày 04/9/2001 đã đủ 18 tuổi, bà P không yêu cầu nên không xét giải quyết.

- Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra do đương sự không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với người không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung là cháu Nguyen Ngoc Thanh T2 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyen Thi Minh P phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0050096 ngày 26/6/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường TH;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nga